

Số: *20* /2020/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *11* tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;



Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

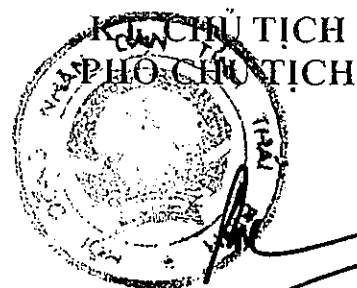
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVI Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; bãi bỏ Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ngưng hiệu lực thi hành của Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Phê duyệt số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; bãi bỏ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12

tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện tạm thời mức phụ cấp tăng thêm đối với Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố; bãi bỏ điểm 2, điểm 3 khoản 1 và điểm 2, điểm 3 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định cơ cấu tổ chức, chế độ, chính sách đối với Công an xã theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ; bãi bỏ Phụ lục kèm theo của Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án mô hình tổ chức và chế độ chính sách của lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn trong tỉnh Thái Bình; bãi bỏ điểm 1.1 và điểm 1.2 khoản 1 mục III Điều 1 Nghị quyết số 38/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân tự vệ khi tham gia huấn luyện, hoạt động và chế độ phụ cấp đối với cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã, chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ, Phó Chỉ huy Ban chỉ huy Quân sự cấp xã bố trí theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thôn đội trưởng theo Luật Dân quân tự vệ. / *guy*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế – Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Công Thông tin điện tử Thái Bình;
- Lưu VTVP. *slf*



Đàm Văn Vượng



QUY ĐỊNH

Số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
3. Những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Chương II NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
 - a) Đối với đơn vị hành chính xã loại I bố trí không quá 09 người; đơn vị hành chính phường, thị trấn loại I bố trí không quá 08 người.
 - b) Đối với đơn vị hành chính xã loại II, loại III bố trí không quá 08 người; đơn vị hành chính phường, thị trấn loại II, loại III bố trí không quá 07 người.
2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có không quá 15 chức danh, gồm:
 - a) Phó Trưởng ban Tuyên giáo trực tiếp làm Báo cáo viên;



- b) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng;
- c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- d) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (*ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân*);
- e) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- g) Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- h) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- i) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- k) Văn phòng Đảng ủy;
- l) Tạp vụ;
- m) Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự (*Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại I, xã biên giới ven biển được bố trí không quá hai người; đơn vị hành chính cấp xã còn lại được bố trí một người*);
- n) Trưởng ban Chăn nuôi - thú y;
- o) Trưởng Đài truyền thanh;
- p) Nhân viên Đài truyền thanh.

Điều 4. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 02 người.

2. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 03 chức danh, gồm: Bí thư Chi bộ thôn, Bí thư chi bộ tổ dân phố; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận tổ dân phố (do Bí thư Chi bộ thôn, Bí thư chi bộ tổ dân phố kiêm nhiệm).

b) Không quy định chức danh Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố bố trí theo quy định tại Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình, được hưởng bồi dưỡng hằng tháng theo hệ số lương cơ sở như sau: 0,75 đối với thôn, tổ dân phố loại I; 0,7 đối với thôn, tổ dân phố loại II; 0,65 đối với thôn, tổ dân phố loại III.

Điều 2. Quy định chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

1. Mức phụ cấp hằng tháng



Mức phụ cấp hằng tháng của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được hưởng theo hệ số lương cơ sở và theo loại đơn vị hành chính cấp xã; loại thôn, tổ dân phố, cụ thể:

TT	Chức danh	Hệ số phụ cấp hằng tháng		
		Loại I	Loại II	Loại III
I	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:			
1	Phó Trưởng ban Tuyên giáo trực tiếp làm Báo cáo viên	0,91	0,88	0,84
2	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng	0,91	0,88	0,84
3	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,81	0,78	0,74
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	0,81	0,78	0,74
5	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân)	0,81	0,78	0,74
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	0,81	0,78	0,74
7	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,81	0,78	0,74
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,81	0,78	0,74
9	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,91	0,88	0,84
10	Văn phòng Đảng uỷ	0,91	0,88	0,84
11	Tạp vụ	0,86	0,83	0,79
12	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự	1,00	1,00	1,00
13	Trưởng ban Chăn nuôi - thú y	1,00	1,00	1,00
14	Trưởng Đài truyền thanh	1,00	1,00	1,00
15	Nhân viên Đài truyền thanh	0,86	0,86	0,86
II	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:			
1	Bí thư chi bộ thôn; Bí thư chi bộ tổ dân phố; Trưởng thôn; Tổ trưởng tổ dân phố	1,1	1,05	1,00
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố	0,72	0,68	0,64

2. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

a) Người kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chức danh đối tượng khác hưởng phụ cấp theo pháp luật chuyên ngành ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm tối đa không quá 02 chức danh và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% hệ số lương cơ sở của mỗi chức danh kiêm nhiệm.

b) Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Nghị quyết số 52/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình nghỉ công tác do sắp xếp, bố trí lại, nếu có nguyện vọng đóng bảo hiểm xã hội thì được hỗ trợ kinh phí truy thu đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian đã công tác theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

4. Chế độ bảo hiểm y tế.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đang đảm nhiệm, chế độ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Chế độ mai táng phí.

Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (trừ những trường hợp đã được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của pháp luật) nếu từ trần khi đang đảm nhiệm chức danh không chuyên trách thì người lo mai táng được trợ cấp mai táng bằng hệ số 5,0 mức lương cơ sở tại tháng mà người hoạt động không chuyên trách từ trần.

7. Chế độ, chính sách khác.

Chế độ, chính sách khác của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành.

Chương III

NHỮNG ĐỐI TƯỢNG KHÁC HƯỞNG PHỤ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 6. Quy định số lượng, chức danh những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành.

1. Công an viên thường trực (nơi chưa bố trí lực lượng Công an chính quy): Mỗi xã có 01 Tổ Công an viên thường trực luân phiên được bố trí không quá 03 người.

2. Công an viên thôn.

a) Mỗi thôn được bố trí một Công an viên.

b) Đối với thôn loại I và thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an công nhận xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được bố trí thêm 01 Công an viên.

3. Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Thành viên Tổ bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn).

Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được bố trí theo quy định tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án mô hình tổ chức và chế độ chính sách của lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn trong tỉnh Thái Bình.

4. Thôn đội trưởng.

Mỗi thôn được bố trí một Thôn đội trưởng (do Trưởng thôn kiêm nhiệm). Trường hợp Trưởng thôn không đủ điều kiện, tiêu chuẩn kiêm nhiệm Thôn đội trưởng thì không bố trí kiêm nhiệm.

5. Nhân viên y tế thôn.

Nhân viên y tế thôn được bố trí theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 7. Quy định chế độ, chính sách đối với những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành.

1. Mức phụ cấp hằng tháng .

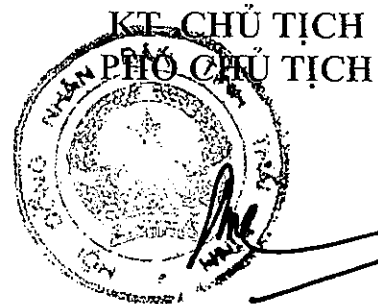
Stt	Chức danh	Hệ số phụ cấp
1	Công an viên thường trực	1,1
2	Công an viên thôn	1,00
3	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,9
4	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,8
5	Thành viên Tổ bảo vệ dân phố:	
	- Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố	0,7
	- Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố	0,6
	- Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố	0,5
6	Thôn đội trưởng	0,5
7	Nhân viên y tế thôn	0,3

2. Chế độ bảo hiểm y tế

Những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chế độ, chính sách khác.

Chế độ, chính sách khác của những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành. / *ĐV*



Đàm Văn Vượng